

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Tầng A tòa G, C H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy H – Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Việt C, sinh năm 1994 - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: I Đ, phường D, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền số 605/UQ-TGD.25 ngày 12/5/2025).

- Bị đơn:

+ Ông Trần V, sinh năm 1952; Chứng minh nhân dân số 230014335 do Công an tỉnh G cấp ngày 06/3/2012 nơi thường trú: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai;

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; số định danh cá nhân: 05215600796; nơi thường trú: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; số định danh cá nhân: 052156007966; nơi thường trú: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2025, được văn phòng C1 chứng nhận số 1859/2025/CCGD).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về trách nhiệm trả nợ : Từ ngày 19/9/2025 đến hết ngày 20/11/2025 ông Trần V và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay theo hạn mức số 348/20/TD/VIII.1 ngày 14/07/2020 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G - Phòng G1 và bên vay là ông Trần V và bà Nguyễn Thị N và Giấy nhận nợ số 348/20/TD/VIII.1.01 ngày 24/4/2021, với số tiền 2.120.583.945 đồng (hai tỷ, một

trăm hai mươi triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng), Trong đó: Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn tính đến ngày 19/01/2022 là 12.835.177 đồng (mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng); nợ lãi quá hạn tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/9/2025 là 807.748.767 đồng (tám trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần V và bà Nguyễn Thị N còn phải liên đới chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng vay theo hạn mức số 348/20/TD/VIII.1 ngày 14/07/2020 và Giấy nhận nợ số 348/20/TD/VIII.1.01 ngày 24/4/2021.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng mà ông V, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. 2 Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần V và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay theo hạn mức số 348/20/TD/VIII.1 ngày 14/07/2020 và Giấy nhận nợ số 348/20/TD/VIII.1.01 ngày 24/4/2021 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản ông Trần Văn B và bà Trần Thị Thủy T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 348/20/BL/VIII.1 ngày 14/7/2020, với tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 00, địa chỉ Khu Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, nay là Tổ C A, phường A, tỉnh Gia Lai, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 555688 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 18/8/2010 cho ông Trần Văn B.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 00, địa chỉ Khu Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, nay là Tổ C A, phường A, tỉnh Gia Lai, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 555689 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 18/8/2010 cho ông Trần Văn B.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán khoản nợ của ông Trần V và bà Nguyễn Thị N nêu trên. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần V và bà Nguyễn Thị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2.3 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ, ông V, bà N phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định

tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông V, bà N phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4 Về án phí: Ông Trần V và bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 37.205.839 đồng (ba mươi bảy triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.403.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006587 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13-Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Thảo